

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày 18-7-2024

V/v tranh chấp về quyền sử dụng
đất và tài sản gắn liền với đất, yêu
cầu bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Phẩm và ông Lộc Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/TLST-DS, ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2024/QĐST-DS, ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vi Thị N, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh La Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn - Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Thanh T, Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Quyết định ủy quyền số: 1426/QĐ-UBND, ngày 07/5 /2024 về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự; vắng mặt.

+ Ông Lộc Văn V, sinh năm 1958; có mặt.

+ Anh Lộc Văn T, sinh năm 1986; có mặt.

- + Anh Lộc Văn K, sinh năm 1990; vắng mặt.
- + Anh Lộc Văn T, sinh năm 1995; vắng mặt.
- + Chị Lộc Thị B, sinh năm 1988; vắng mặt.
- + Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991; vắng mặt.
- + Chị Lưu Thị T, sinh năm 1991; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

+ Chị Lộc Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Anh Lộc Văn K, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 3, V, Xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

+ Anh La Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

+ Chị La Thị T; địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/12/2023 cùng những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn bà Vi Thị N yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích khoảng 550 m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 996956, ngày 11/8/2000 đối với hai thửa đất 223 (thửa đất có diện tích đất tranh chấp), 314 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 618649, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ thửa đất tại X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm có 39 cây thông, trong đó có 38 cây thông đã được khai thác nhựa, 01 cây còn nhỏ chưa khai thác nhựa được.

Qua đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, bà Vi Thị N xác định đất tranh chấp có diện tích là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ tại: X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Bà yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm có: 01 cây thông đường kính gốc 05 – 10cm, 06 cây thông đường kính gốc trên 10 – 20cm, 23 cây thông đường kính gốc trên 20 – 30cm; 07 cây thông đường kính gốc trên 30cm. Ngoài ra trên đất có các cây tạp tự mọc.

Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp: Những năm 1991 - 1992, vợ chồng bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V khai phá cả thửa đất số 625, tờ

bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1991 sau khi khai phá đất, vợ chồng bà trồng thông, trầu, cây xoan, cây bạch đàn trên cả thửa đất số 625 nhưng thừa thớt do thiếu cây giống. Năm 1999 gia đình bà Vi Thị N có hiến đất cho thôn L mở đường, sau khi có đường đi gia đình bà có trồng sắn trên những chỗ đất còn trống. Năm 2000 vợ chồng bà Vi Thị N có cho mẹ của ông La Văn T trồng sắn trên diện tích đất tranh chấp hiện tại do thấy hoàn cảnh khó khăn. Về việc bà Vi Thị N cho mẹ La Văn T là bà Vi Thị B mượn đất thì không có ai biết, cũng không làm giấy tờ gì vì là chị em ruột thịt với nhau, cũng không ai chứng kiến sự việc bà Vi Thị N cho bà Vi Thị B mượn đất. Bà Vi Thị N chỉ cho mẹ ông La Văn T trồng sắn một năm thì lấy lại đất tranh chấp luôn. Những năm 2001-2002 được Đoàn kinh tế quốc phòng 338 cấp giống cây thông theo dự án giao khoán trồng rừng phòng hộ, gia đình bà Vi Thị N có nhận giống cây về trồng trên cả thửa 625 bao gồm cả diện tích đất tranh chấp hiện tại (có Hợp đồng giao khoán), các con bà Vi Thị N đi hộ trồng là anh Lộc Văn K, chị Lộc Thị H, anh Lộc Văn T. Đến năm 2008 thì gia đình bà khai thác hết những cây thông, trầu, cây xoan, cây bạch đàn do vợ chồng bà Vi Thị N trồng từ năm 1991. Hằng năm, gia đình bà quản lý, sử dụng cả thửa đất 625 và khai thác nhựa đối với những cây thông được khai thác nhựa từ năm 2018 đến nay.

Năm 1995, hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N được cấp sổ bìa xanh. Đến năm 2000 thu sổ bìa xanh và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 996956, ngày 11/8/2000 đối với hai thửa đất 223 (thửa đất số 625 hiện tại), 314 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 618649, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1991 đến trước ngày 29 tháng 6 năm 2023, gia đình bà Vi Thị N quản lý, sử dụng liên tục cả thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không xảy ra tranh chấp với ai.

Về thời điểm xảy ra tranh chấp: Đến ngày 29 tháng 6 năm 2023, con bà Vi Thị N là Lộc Văn T và cháu nội Lộc Văn C đang cạo nhựa thông ở đất tranh chấp thì ông La Văn T cầm một cái cây lên đập túi nhựa treo ở cây thông đi, ông T đập 38 túi treo trên 38 cây thông và gom nhựa mang về. Con trai bà Vi Thị N có bảo ông T để nhựa lại và gọi chính quyền địa phương lên làm việc nhưng ông T không nghe và vẫn cố tình lấy nhựa lên xe rồi chở về, ông T nói rằng đất tranh chấp là của ông T.

Tại phiên bà Vi Thị N yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ tại: X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm có: 01 cây thông đường kính gốc 05 – 10cm, 06 cây thông đường kính gốc trên 10 –

20cm, 23 cây thông đường kính gốc trên 20 – 30cm; 07 cây thông đường kính gốc trên 30cm. Ngoài ra trên đất có các cây tạp tự mọc. Buộc bị đơn ông La Văn T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất. Bà Vi Thị N rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà Vi Thị N rút yêu cầu ông La Văn T phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà số tiền 7.200.000 đồng (*bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) do khai thác nhựa thông đối với 38 cây thông trên diện tích đất tranh chấp. Đối với chi phí tố tụng và án phí của vụ án: Bà Vi Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2024 và ngày 02/5/2024 bị đơn anh La Văn T trình bày: Ông Vi Giai V có 04 người con, gồm: Bà Vi Thị N nguyên đơn, bà Vi Thị B (đã chết), bà Vi Thị B, ông Vi Văn M. Ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bà Vi Thị B có 03 người con gồm anh La Văn C, anh La Văn T, chị La Thị T. Ngoài ra không có con đẻ, con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp: Đất tranh chấp do ông ngoại anh là ông Vi Giai V cho mẹ anh là bà Vi Thị B vào năm 1993 do mẹ anh bị bệnh tật ốm yếu nên ông ngoại cho đất tranh chấp để quản lý, sử dụng, bà Vi Thị B trồng khoai sọ, trồng sắn trên đất, ông cho đất không có giấy tờ gì cả. Khi ông Vi Giai V cho đất cho bà Vi Thị B thì các anh chị em của bà Vi Thị B không ai có ý kiến gì. Năm 2003 bà Vi Thị B chết thì ba anh em anh La Văn T cùng nhau quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ đó đến năm 2023 không xảy ra tranh chấp với ai. Anh La Văn T hiện nay là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp do anh trai đi làm xa, em gái đã đi lấy chồng, nhưng đất tranh chấp chưa chia cho ai cả. Năm 1993 sau khi được ông ngoại cho đất thì bà Vi Thị B trồng khoai sọ trên đất tranh chấp, những năm tiếp theo thì bà Vi Thị B trồng sắn trên đất, ba anh em anh La Văn T còn nhỏ có được đi hộ mẹ trồng sắn. Do không trồng được hết đất nên bà Vi Thị B có cho ông Hoàng Văn H cùng làng lên trồng sắn trên đất cùng bà 1 – 2 năm gì đó. Năm 2001 gia đình anh La Văn T không trồng sắn trên đất nữa do lợn rừng phá nhiều. Bà Vi Thị B với bà Vi Thị N là chị em ruột với nhau, bà N có nhận giống thông về trồng theo dự án, bà Vi Thị B có đi hộ bà N trồng thông ở những thửa đất khác nên bà N có chia cho bà Vi Thị B một ít giống thông, gia đình anh La Văn T đã trồng số thông bà N cho trên đất tranh chấp. Hằng năm, anh La Văn T quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp phát quang cây thông đến nay. Năm 2008 bà N có xin hai anh em trai anh La Văn T quản lý, sử dụng đất tranh chấp nhưng anh La Văn T không đồng ý, sau đó bà N không có lời nói hay hành vi gì khác. Khoảng năm 2020 thì các con của bà N đi khai thác nhựa đối với các cây thông trên đất tranh chấp, anh La Văn T đã giật túi đi mấy lần bà N không dám có ý kiến gì cả. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2023, con của bà N lại tiếp tục đi khai thác nhựa thông trên đất tranh chấp thì anh La Văn T lên đất tranh chấp bắt gặp, anh La Văn T xé túi nhựa treo ở cây thông đi, gom nhựa mang lên UBND xã Y nhưng không được giải quyết. Đến hôm sau thì công an xã gọi anh La Văn T lên làm việc. Gia đình anh La Văn T chưa đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp do đất là của bà Vi Thị B để lại chưa chia cho ai và cũng nghĩ không ai tranh chấp với gia đình mình được. Do đó anh La Văn T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Anh yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp có tổng diện tích 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ tại: X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp theo kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của cơ quan chuyên môn. Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bồi thường số tiền tổng cộng là 7.200.000 đồng (*bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) do khai thác nhựa thông đối với cây thông trên diện tích đất tranh chấp chúng anh không đồng ý bồi thường do cây là của anh La Văn C trồng. Anh La Văn T yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do cấp không đúng đối tượng.

Lời trình bày của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lộc Văn V, anh Lộc Văn T, anh Lộc Văn K, chị Lưu Thị T tại phiên tòa và lời khai trong hồ sơ vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lộc Văn K, anh Lộc Văn T, chị Lộc Thị B, chị Hoàng Thị N, chị Lộc Thị H đều thống nhất ý kiến với nguyên đơn bà Vi Thị N, yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có tranh chấp nói trên.

Lời khai trong hồ sơ vụ án của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh La Văn C, chị La Thị T đều thống nhất ý kiến với bị đơn anh La Văn T, yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

Tại các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn và hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện: Ngày 22/6/2000, hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N có Đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất 223, diện tích 33.300 m² và thửa đất 314 diện tích 15.000 m², cùng tờ bản đồ 01, về nguồn gốc sử dụng đất do Nhà nước giao năm 1999. Ngày 11/8/2000, Ủy ban nhân dân huyện L đã ra Quyết định số: 476/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hộ gia đình ông Lộc Văn V đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 223 và thửa đất 314, cùng tờ bản đồ 01, tổng diện tích 48.300 m². Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 223, 314 cùng tờ Bản đồ số 01 xã Y cho hộ ông Lộc Văn V theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất, lập hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được đảm bảo. Lý do: Hồ sơ chưa được niêm yết 15 ngày, Ủy ban nhân dân xã Y đã ban hành Tờ trình ngày 20/7/2000 gửi Ủy ban nhân dân huyện về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 20/7/2000 Ủy ban nhân dân xã mới công khai hồ sơ đăng ký đất).

Ngày 26/5/2008, hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N có Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01, bản đồ

địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L. Tại Quyết định số: 3157/QĐ-UBND, ngày 30/12/2009 của UBND huyện L về việc Công nhận quyền sử dụng đất, cấp đổi và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (*Có danh sách các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo trong đó có hộ gia đình ông Lộc Văn V được cấp giấy chứng nhận tại thửa 625, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, diện tích 39.974,0 m²*). Hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 618649, số vào sổ CH 000963 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 20/6/2011 đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 625, tờ Bản đồ số 01 xã Y cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và Nghị định số 88/2007/NĐ-CP, ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

Tại Công văn cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ, Ủy ban nhân dân xã Y, Ủy ban nhân dân xã M, huyện L xác định không có hồ sơ lưu về việc hiến đất của bà Vi Thị N để mở đường tại thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Công văn cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ, Hạt kiểm lâm huyện L cung cấp tại Hạt kiểm lâm huyện L hiện đang lưu giữ 01 sổ lâm bạ thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng của xã Y, huyện L năm 1995. Tại Thôn L, xã Y không có tên ông, bà Vi Thị N, Lộc Văn V, La Văn T.

Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 338, Bộ Tư lệnh Quân khu I, cung cấp thông tin, chứng cứ: Ngày 12/3/2011, hộ ông Lộc Văn V có Đơn xin nhận giao rừng – Dự án trồng rừng phòng hộ khi KTQP Mẫu Sơn/Lạng Sơn/ QKI đối với lô 223, diện tích 1,5ha, trồng năm 2002. Tại Quyết định số: 165/QĐ-Đ, ngày 30/3/2011 của Đoàn trưởng Đoàn 338 đã giao cho hộ ông Lộc Văn V diện tích 1,50ha tiểu khu 1, lô 223, loại rừng Phòng hộ, loài cây thông, mật độ 1650, chiều cao trung bình 6m, năm trồng 2002, có biên bản bàn giao rừng cho hộ ông Lộc Văn V ngày 16/5/2011.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn anh La Văn T không tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được

triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 5, 6, 10, 105, 107 của Luật đất đai năm 2003; Điều 5, 6, 12, 22, 96, 100; Điều 166; Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Điều 158, 161, 163, 164, 166, 189, 221, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 217; Điều 218; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Đề nghị: (1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị N được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ tại: X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gồm có: 01 cây thông đường kính gốc 05 – 10cm, 06 cây thông đường kính gốc trên 10 – 20cm, 23 cây thông đường kính gốc trên 20 – 30cm; 07 cây thông đường kính gốc trên 30cm; các cây tạp tự mọc; (2) Buộc anh La Văn T và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tại mục (1); (3) Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Vi Thị N yêu cầu ông La Văn T phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà số tiền 7.200.000 đồng (*bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) do khai thác nhựa thông đối với 38 cây thông trên diện tích đất tranh chấp (4) Về chi phí tố tụng, án phí của vụ án và quyền kháng cáo của các đương sự đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh La Văn T đã được triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai; vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nông Thanh T, anh Lộc Văn K, anh Lộc Văn T, chị Lộc Thị B, chị Hoàng Thị N, chị Lộc Thị H, anh La Văn C, chị La Thị T đều đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là: Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Đất tranh chấp tại Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V là vợ chồng, có các con chung là anh Lộc Văn T, anh Lộc Văn K, Lộc Văn K, anh Lộc Văn T, chị Lộc Thị B, chị Lộc Thị H. Bà Vi Thị B và ông La Văn Lý (đã chết) là vợ chồng, có các con chung là anh La Văn C, anh La Văn T, chị La Thị T.

[4] Về đất tranh chấp và tài sản trên đất: Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 09/4/2024 xác định đất tranh chấp có địa danh là X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có các phía tiếp giáp như sau: Phía Nam giáp đường bê tông, phía Bắc, phía Đông, phía Tây giáp thửa đất 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn hộ bà Vi Thị N đang quản lý, sử dụng. Đất tranh chấp theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Tài sản trên đất gồm có: 01 cây thông đường kính gốc 05 – 10cm, 06 cây thông đường kính gốc trên 10 – 20cm, 23 cây thông đường kính gốc trên 20 – 30cm; 07 cây thông đường kính gốc trên 30cm; các cây tạp tự mọc. Tại trích đo khu đất tranh chấp số 07-2024 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn thể hiện, đất tranh chấp có diện tích 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất gồm có các cây thông, cây tạp.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[5.1] Nguyên đơn bà Vi Thị N trình bày đất tranh chấp có nguồn gốc là do vợ chồng bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V khai phá, sử dụng từ những năm 1991 - 1992. Lời trình bày của bà Vi Thị N phù hợp với thông tin tại đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/5/2008 đối với thửa đất 223, 314 cùng tờ bản đồ 01, Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và Quyết định số: 476/QĐ-UB, ngày 11/8/2000 của Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong danh sách các chủ sử dụng đất đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có hộ gia đình ông Lộc Văn V đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 223 và thửa đất 314, cùng tờ bản đồ 01 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 2011 hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 618649, số vào sổ CH 000963 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 20/6/2011 đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[5.2] Lời khai của bị đơn anh La Văn T trình bày về nguồn gốc đất tranh chấp: Đất tranh chấp do ông ngoại là ông Vi Giai V cho mẹ anh là bà Vi Thị B vào năm 1993 do mẹ anh bị bệnh tật ốm yếu nên ông ngoại cho đất tranh chấp để quản lý, sử dụng, bà Vi Thị B trồng khoai sọ, trồng sắn trên đất, ông cho đất không có giấy tờ gì cả. Sau khi bà B chết để lại đất cho các con quản lý, sử dụng. Ngoài lời trình bày, anh La Văn T không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cũng không có ai làm chứng về nguồn gốc đất tranh chấp của bà Vi Thị B để lại.

[5.3] Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định đất tranh chấp có diện tích 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ: X (người dân thường gọi là X), Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn có nguồn gốc là do vợ chồng bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V khai phá, sử dụng từ những năm 1991 - 1992.

[6] Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp:

[6.1] Nguyên đơn bà Vi Thị N trình bày vợ chồng bà quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ những năm 1991 - 1992 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023. Từ năm 1991 sau khi khai phá đất, vợ chồng bà trồng thông, trâu, cây xoan, cây bạch đàn trên cả thửa đất số 625 nhưng thưa thớt do thiếu cây giống. Năm 1999 gia đình bà Vi Thị N có hiến đất cho thôn L mở đường, sau khi có đường đi gia đình bà có trồng sắn trên những chỗ đất còn trống. Năm 2000 vợ chồng bà Vi Thị N có cho mẹ của ông La Văn T trồng sắn trên diện tích đất tranh chấp hiện tại do thấy hoàn cảnh khó khăn. Về việc bà Vi Thị N cho mẹ La Văn T là bà Vi Thị B mượn đất thì không có ai biết, cũng không làm giấy tờ gì vì là chị em ruột thịt với nhau, cũng không ai chứng kiến sự việc bà Vi Thị N cho bà Vi Thị B mượn đất. Bà Vi Thị N chỉ cho mẹ ông La Văn T trồng sắn một năm thì lấy lại đất tranh chấp luôn. Những năm 2001-2002 được Đoàn kinh tế quốc phòng 338 cấp giống cây thông theo dự án giao khoán trồng rừng phòng hộ, gia đình bà Vi Thị N có nhận giống cây về trồng trên cả thửa 625 bao gồm cả diện tích đất tranh chấp hiện tại (có Hợp đồng giao khoán), các con bà Vi Thị N đi hộ trồng là anh Lộc Văn K, chị Lộc Thị H, anh Lộc Văn T. Đến năm 2008 thì gia đình bà khai thác hết những cây thông, trâu, cây xoan, cây bạch đàn do vợ chồng bà Vi Thị N trồng từ năm 1991. Hằng năm, gia đình bà quản lý, sử dụng cả thửa đất 625 và khai thác nhựa đối với những cây thông được khai thác nhựa từ năm 2018 đến nay. Năm 1995, hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N được cấp sổ bìa xanh. Đến năm 2000 thu sổ bìa xanh và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 996956, ngày 11/8/2000 đối với hai thửa đất 223 (thửa đất số 625 hiện tại), 314 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp; được Ủy ban nhân dân huyện L cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 618649, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 1991 đến trước ngày 29 tháng 6 năm 2023, gia đình bà Vi Thị N quản lý, sử dụng liên tục cả thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn không xảy ra tranh chấp với ai.

[6.2] Bị đơn anh La Văn T trình bày: Sau khi được ông Vi Giai V cho đất bà Vi Thị B trồng khoai sọ, trồng sắn trên đất, ông cho đất không có giấy tờ gì cả. Khi ông Vi Giai V cho đất cho bà Vi Thị B thì các anh chị em của bà Vi Thị B không ai có ý kiến gì. Năm 2003 bà Vi Thị B chết thì ba anh em anh La Văn T cùng nhau quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp từ đó đến năm 2023 không xảy ra tranh chấp với ai. Anh La Văn T hiện nay là người quản lý, sử dụng đất tranh chấp do anh trai đi làm xa, em gái đã đi lấy chồng, nhưng đất tranh chấp chưa chia cho ai cả. Năm 1993 sau khi được ông ngoại cho đất thì bà Vi Thị B trồng khoai sọ trên đất tranh chấp, những năm tiếp theo thì bà Vi Thị B trồng sắn trên đất, ba anh em anh La Văn T còn nhỏ có được đi hộ mẹ trồng sắn. Do không trồng được hết đất nên bà Vi Thị B có cho ông Hoàng Văn H cùng làng lên trồng sắn trên đất cùng bà 1 – 2 năm gì đó. Năm 2001 gia đình anh La Văn T không trồng sắn trên đất nữa do lợn rừng phá nhiều. Bà Vi Thị B với bà Vi Thị N là chị em ruột với nhau, bà N có nhận giống thông về trồng theo dự án, bà Vi Thị B có

đi hộ bà N trồng thông ở những thửa đất khác nên bà N có chia cho bà Vi Thị B một ít giống thông, gia đình anh La Văn T đã trồng số thông bà N cho trên đất tranh chấp. Hằng năm, anh La Văn T quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp phát quang cây thông đến nay. Năm 2008 bà N có xin hai anh em trai anh La Văn T quản lý, sử dụng đất tranh chấp nhưng anh La Văn T không đồng ý, sau đó bà N không có lời nói hay hành vi gì khác. Khoảng năm 2020 thì các con của bà N đi khai thác nhựa đối với các cây thông trên đất tranh chấp, anh La Văn T đã giạt túi đi mấy lần bà N không dám có ý kiến gì cả. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2023, con của bà N lại tiếp tục đi khai thác nhựa thông trên đất tranh chấp thì anh La Văn T lên đất tranh chấp bắt gặp, anh La Văn T xé túi nhựa treo ở cây thông đi, gom nhựa mang lên UBND xã Y nhưng không được giải quyết. Đến hôm sau thì công an xã gọi anh La Văn T lên làm việc. Gia đình anh La Văn T chưa đăng ký, kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp do đất là của bà Vi Thị B để lại chưa chia cho ai và cũng nghĩ không ai tranh chấp với gia đình mình được.

[6.3] Đoàn Kinh tế - Quốc phòng 338, Bộ Tư lệnh Quân khu I, cung cấp thông tin, chứng cứ: Ngày 12/3/2011, hộ ông Lộc Văn V có Đơn xin nhận giao rừng – Dự án trồng rừng phòng hộ khi KTQP Mẫu Sơn/Lạng Sơn/ QKI đối với lô 223, diện tích 1,5ha, trồng năm 2002. Tại Quyết định số: 165/QĐ-Đ, ngày 30/3/2011 của Đoàn trưởng Đoàn 338 đã giao cho hộ ông Lộc Văn V diện tích 1,50ha tiểu khu 1, lô 223, loại rừng phòng hộ, loài cây thông, mật độ 1650, chiều cao trung bình 6m, năm trồng 2002, có biên bản bàn giao rừng cho hộ ông Lộc Văn V ngày 16/5/2011.

[6.4] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định vợ chồng bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V đã quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ những năm 1991 - 1992 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023, tạo lập tài sản trên đất bằng việc trồng các cây thông và khai thác nhựa thông từ năm 2008 đến năm 2023. Bà Vi Thị N đã thực hiện việc đăng ký, kê khai đất đai và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Trong những lời trình bày về nguồn gốc đất, quá trình quản lý, sử dụng đất của anh La Văn T, ngoài lời trình bày thì anh La Văn T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất tranh chấp, quyền sở hữu tài sản trên đất. Gia đình anh La Văn T biết việc quản lý, sử dụng đất tranh chấp, khai thác nhựa thông của gia đình bà Vi Thị N từ năm 2008 nhưng không có ý kiến, ngăn cản gì, cũng chưa từng đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp. Khi Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V bị đơn anh La Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến gì. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2023, anh La Văn T mới phát sinh tranh chấp đất với bà Vi Thị N. Như vậy, có căn cứ xác định anh La Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa từng quản lý, sử dụng đất tranh chấp, tài sản trên đất không phải do anh La Văn C tạo lập.

[7] Ủy ban nhân dân huyện L xác định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 223, 314 cùng tờ Bản đồ số 01 xã Y cho hộ ông Lộc Văn V theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày

16/3/1998 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký đất, lập hồ sơ địa chính cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được đảm bảo. Lý do: Hồ sơ chưa được niêm yết 15 ngày, Ủy ban nhân dân xã Y đã ban hành Tờ trình ngày 20/7/2000 gửi Ủy ban nhân dân huyện về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giải quyết các trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 20/7/2000 Ủy ban nhân dân xã mới công khai hồ sơ đăng ký đất). Tuy nhiên sau đó hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 618649, số vào sổ CH 000963 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 20/6/2011 đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 625, tờ Bản đồ số 01 xã Y cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và Nghị định số 88/2007/NĐ-CP, ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai.

[8] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993), Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Việc xác lập quyền sử dụng đất của Nhà nước cho cá nhân, hộ gia đình qua các thời kỳ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đều căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

[9] Bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V có quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp liên tục, ổn định, lâu dài, không có tranh chấp từ những năm 1991 - 1992 đến ngày 29 tháng 6 năm 2023. Trong quá trình sử dụng đất, bà Vi Thị N đã đăng ký, kê khai đất đai và được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 996956, ngày 11/8/2000 đối thửa đất 223 (thửa đất có diện tích đất tranh chấp) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y; cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 618649, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013 “*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp của người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất.*” Như vậy, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 996956, ngày 11/8/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 618649, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn là chứng thư pháp lý để

Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hợp pháp cho hộ bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V đối với diện tích đất tranh chấp là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp diện tích là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn của bà Vi Thị N là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Anh La Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa từng quản lý, sử dụng đất tranh chấp, ngoài lời trình bày thì anh La Văn T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh quyền sử dụng đất tranh chấp, quyền sở hữu tài sản trên đất. Anh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng chưa từng đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp. Vì vậy, yêu cầu của bị đơn anh La Văn T được quản lý, sử dụng toàn bộ đất tranh chấp diện tích 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[11] Buộc bị đơn anh La Văn T và các đương sự bên phía bị đơn chấm dứt hành vi tranh chấp đối diện tích đất tranh chấp là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[12] Tại biên bản lấy lời khai, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vi Thị N tự nguyện rút yêu cầu ông La Văn T phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà số tiền 7.200.000 đồng (*bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) do khai thác nhựa thông đối với 38 cây thông trên diện tích đất tranh chấp, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên.

[13] Bị đơn anh La Văn T có ý kiến yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00963, ngày 20/6/2011 cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do cấp không đúng đối tượng. Bà Vi Thị N đã thực hiện việc đăng ký, kê khai đất đai và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Gia đình anh La Văn T cũng chưa từng đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất đối với đất tranh chấp. Khi Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N bị đơn anh La Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến gì. Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 625, tờ Bản đồ số 01 xã Y cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N được thực hiện theo quy định. Do đó không có căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lộc Văn V và bà Vi Thị N đối với thửa 625, tờ Bản đồ số 01 xã Y cấp không đúng đối tượng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Vi Thị N đã tạm ứng chi phí tổng cộng số tiền là 14.610.000 đồng (*mười bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng*), bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.200.000 đồng, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất là 11.410.000 đồng cho toàn bộ diện tích 1842m². Căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn anh La Văn T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 14.610.000 đồng (*mười bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng*) do toàn bộ yêu cầu quản lý, sử dụng diện tích 1842m² đất mà nguyên đơn bà Vi Thị N yêu cầu được chấp nhận. Bị đơn La Văn T phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Vi Thị N số tiền chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã tạm ứng là 14.610.000 đồng (*mười bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).

[16] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, do yêu cầu của nguyên đơn bà Vi Thị N được chấp nhận nên bị đơn anh La Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[17] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, 10, 105, 107 của Luật đất đai năm 2003; Điều 5, 6, 12, 22, 96, 100; Điều 166; Điều 170; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Điều 158, 161, 163, 164, 166, 189, 221, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 217; Điều 218; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vi Thị N.

Hộ bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V được quyền quản lý, sử dụng diện tích là 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ tại: X, Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Diện tích đất được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-A4-A5-A6, thể hiện tại Phụ lục khu đất kèm theo Bản án.

Hộ bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm: 01 cây thông đường kính gốc 05 – 10cm, 06 cây thông đường kính gốc trên 10 – 20cm, 23 cây thông đường kính gốc trên 20 – 30cm; 07 cây thông đường kính gốc trên 30cm; các cây tạp tự mọc.

1.2. Buộc bị đơn anh La Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh La Văn C, chị La Thị T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích 1842m² thuộc một phần thửa đất số 625, tờ bản đồ số 01 (nay là tờ bản đồ số 111) Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; địa danh, địa chỉ tại: X, Thôn L, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nêu tại mục 1.1 với hộ bà Vi Thị N và ông Lộc Văn V.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Vi Thị N yêu cầu ông La Văn T phải bồi thường thiệt hại cho gia đình bà số tiền 7.200.000 đồng (*bảy triệu hai trăm nghìn đồng*) do khai thác nhựa thông đối với 38 cây thông trên diện tích đất tranh chấp.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết yêu cầu: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

3. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Bị đơn anh La Văn T phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp là 14.610.000 đồng (*mười bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng*). Bị đơn anh La Văn T phải hoàn trả cho nguyên đơn bà Vi Thị N tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp là 14.610.000 đồng (*mười bốn triệu sáu trăm mười nghìn đồng*).

4. Nghĩa vụ chịu lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Bị đơn anh La Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự không có giá ngạch của vụ án là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đề sung Ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giáp Thanh Long

